

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê chuẩn Bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy và phát triển tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”;

Căn cứ Văn bản số 4848/BGDĐT-GDPT ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến về phê chuẩn Bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4539/TTr-SGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn kèm theo Quyết định này Bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Thanh Hóa là sản phẩm nghiên cứu, xây dựng trong khuôn khổ Đề án “Bảo tồn, phát huy và phát triển tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030” được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Việc phê chuẩn Bộ chữ theo Quyết định này nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, biên soạn và phát huy tiếng nói, chữ viết và các giá trị văn hóa của dân tộc Mường theo quy định của pháp luật; không xác định Bộ chữ là bộ chữ cổ truyền đã được lưu hành, sử dụng rộng rãi trong cộng đồng dân tộc Mường và không thay thế thẩm quyền của cơ quan Trung ương trong việc quy định chương trình giáo dục, tài liệu dạy học và tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, khoa học, đầy đủ của Bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Thanh Hóa được phê chuẩn kèm theo Quyết định này và hồ sơ, tài liệu chuyên môn có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì quản lý, hướng dẫn, khai thác và sử dụng Bộ chữ theo đúng mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức tuyên truyền, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị của Bộ chữ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

- Trường hợp trong quá trình thực hiện phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung Bộ chữ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo; Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đâu Thanh Tùng

BỘ CHỮ DÂN TỘC MƯỜNG TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. BẢNG CHỮ CÁI: Gồm 29 chữ cái

TT	CHỮ		TÊN CHỮ	ÂM CHỮ	CHI CHÚ
	Chữ hoa	Chữ thường			
1	A	a	a	a	
2	Ă	ă	á	á	
3	Â	â	ớ	ớ	
4	B	b	bê	bờ	
5	C	c	xê	cờ	
6	D	d	dê	dờ	
7	Đ	đ	đê	đờ	
8	E	e	e	e	
9	Ê	ê	ê	ê	
10	G	g	gê	gờ	
11	H	h	hát	hờ	
12	I	i	i ngắn	i	
13	K	k	ca	ca	
14	L	l	e lơ	lờ	
15	M	m	em mờ	mờ	
16	N	n	e nờ	nờ	
17	O	o	o	o	
18	Ô	ô	ô	ô	
19	Ơ	ơ	ơ	ơ	
20	P	p	pê	pờ	
21	Q	q	cu	quờ	
22	R	r	e rờ	rờ	
23	S	s	ét sờ	sờ	
24	T	t	tê	tờ	
25	U	u	u	u	
26	Ư	ư	ư	ư	
27	V	v	vê	vờ	
28	X	x	ích xì	xờ	
29	Y	y	i dài	y	

(Vì chưa có bộ gõ chữ Mường nên tạm thời dùng dấu trong tiếng Việt)

II. CHỮ VIẾT CHO HỆ THỐNG PHỤ ÂM ĐẦU

1. Hệ thống phụ âm đầu

Chữ Mường có 23 phụ âm đầu, được ghi như sau:

STT	Ký hiệu	Chữ viết	Cách đọc	Ví dụ
1	/b/	B	Bờ	Bó (<i>bò</i>), bồ (<i>bó</i>), bả”u (<i>người ta</i>), ...
2	/k/	C	Cờ	Cà (<i>cá</i>), cùn (<i>lợn</i>), cân nang (<i>cây cau</i>), ...
		K	Ca	Keenh (<i>canh</i>)- keenh lòng (<i>canh cây chuối</i>)
		Q	Quờ	Quén (<i>lối qua lại trên núi</i>), quénh (<i>văng</i>), ...
3	/c/	Ch	Chờ	Chò (<i>chó</i>), chim (<i>chim</i>), chă”n (<i>chạy</i>), ...
4	/z/	D	Dờ	Dó (<i>dò</i>), dán (<i>dài</i>), du (<i>cô dâu</i>), ...
5	/d/	Đ	Đờ	Đái (<i>đài</i>), đồng chì (<i>đồng chi</i>), ...
6	/g/	G	Gờ	Gổ (<i>gỗ</i>), ghề (<i>ghé</i>), gan (<i>gan</i>), ...
7	//	Gi	Gi	Giầu cò (<i>giầu có</i>), giông giang (<i>con cò giang</i>);
8	/h/	H	Hờ	Hòn (<i>suối</i>), hương (<i>huong-nhang</i>), húm (<i>con hổ</i>)
9	/kʰ/	Kh	Khờ	Kha (<i>con gà</i>), khíu (<i>rìu</i>), khao (<i>ngôi sao</i>), ...
10	/l/	L	Lờ	Lối (<i>con lợn rừng</i>), lưnh (<i>con lươn</i>), lô (<i>lâu</i>), ...
11	/m/	M	Mờ	Mê” (<i>mẹ</i>), mu” (<i>bà</i>), man (<i>cái thang</i>), ...
12	/n/	N	Nờ	Nà (<i>cái nỏ</i>), nòn (<i>cái nón</i>), nôông (<i>khỏe</i>), ...
13	/ŋ/	Ng	Ngờ	Ngan (<i>con xiêm</i>), ngheè (<i>con nghé</i>), ...
14	/ɲ/	Nh	Nhờ	Nhá (<i>nhà</i>), nho nhee (<i>một loại đậu</i>), ...
15	/p/	P	Pờ	Păn (<i>bay</i>), paành (<i>bắn</i>), pôn pôông (<i>múa hát bên cây hoa</i>)
16	/pʰ/	Ph	Phờ	Pheo (<i>cây tre</i>), phen (<i>mái che</i>), cà phộc (<i>một loại cá</i>)
17	/r/	R	Rờ	Rá (<i>già</i>), rai (<i>con nai</i>), rôm ngư”a (<i>cưỡi ngựa</i>) ...
18	/s/	S	Sờ	Sét (<i>con rết</i>), sành (<i>con rắn</i>), sật sá (<i>thật thà</i>), ...
19	/t/	T	Tờ	Tái (<i>tài</i>), tòi (<i>củ tỏi</i>), tôn phu” (<i>núi đá</i>), ...
20	/tʰ/	Th	Thờ	Thỏ (<i>con thỏ</i>), thấp (<i>thấp</i>), thánh công (<i>thành công</i>)
21	/tʰr/	T’r	Trờ	T’rời (<i>trời</i>), t’ru (<i>trâu</i>), t’răng (<i>trăng</i>), ...
22	/v/	V	Vờ	Vên (<i>vê</i>), vó (<i>vò</i>), văng (<i>vàng</i>), ...
23	/s/	X	Xờ	Xee (<i>xe</i>), mân xeenh (<i>mây xanh</i>), ...

(Trong các ví dụ chữ Mường in thẳng, chữ Việt in nghiêng)

III. CHỮ VIẾT HỆ THỐNG PHỤ ÂM CUỐI

Hệ thống âm cuối chữ Mường gồm 10 phụ âm, được ghi như sau:

STT	Ký hiệu	Chữ viết	Ví dụ
1	/k/	c	rắc (<i>nước</i>), lắ (<i>vứt bỏ</i>), xỏ (<i>rom</i>), ...
2	/c/	ch	cách (<i>cắt</i>), khẻch (<i>khách</i>), ...
3	/m/	m	lam (<i>lam com</i>), vâm (<i>mâm</i>), ...
4	/n/	n	àn (<i>được</i>), pàn (<i>ván</i>), môn (<i>con mồi</i>), ...
5	/ɲ/	nh	sành (<i>rắn</i>), t' rênh (<i>tránh</i>), ...
6	/ŋ/	ng	àng t' ru (<i>bãi thả trâu</i>), vang (<i>con hoẵng</i>), ...
7	/p/	p	pép (<i>bếp</i>), com rếp (<i>com nếp</i>), ...
8	/t/	t	mít (<i>quả mít</i>), bắt (<i>cái bát</i>), thớt (<i>cái thớt</i>), ...
9	/u/	u	pu kha (<i>bu gà</i>), t' rày pú, khú cân (<i>tầm gửi</i>) ...
10	/i/	i	tì (<i>đi</i>), mi mắt (<i>mi mắt</i>) ...

IV. CHỮ VIẾT CHO ÂM ĐỆM

Chữ Mường có 02 âm đệm: u, o (giống như chữ Quốc ngữ), được ghi như sau:

STT	Âm vị	Chữ viết (bối cảnh sử dụng)	Ví dụ
1	/u-/	U: - Âm đầu /k/ (ghi bằng con chữ 'q') - Hoặc âm chính /-i/, /-e/, /-x/, /-ie/	- Quê quàn (<i>quê quán</i>), quăn, quẩn (<i>quần</i>), ... - Huy, Huề (<i>Huế</i>), huơ (<i>huơ</i>), huân (<i>huân</i>) ...
		O: Các trường hợp còn lại	Hoa (<i>hoa</i>), hoe (<i>hoe</i>), hóa hoản (<i>họa hoản</i>)

V. CHỮ VIẾT CHO HỆ THỐNG NGUYÊN ÂM CHÍNH

Có 14 nguyên âm, gồm 11 nguyên âm đơn – kép và 3 nguyên âm đôi, được ghi như sau:

TT	Ký hiệu	Chữ viết	Ví dụ
1	/a/	aa: trước các âm cuối: ch, nh	Taách (<i>dắt</i>), taanh (<i>buộc trâu</i>), paành (<i>bẩn</i>), ...
		a: các trường hợp còn lại	nhá (<i>nhà</i>), rá (<i>già</i>), ...
2	/ă/	ă	Ăn (<i>ăn</i>), khăn (<i>khăn</i>), ...
		Ăă: sau âm đầu s, t' r	Săắc (<i>tóc</i>), t' răăn (<i>trăn</i>), ...

3	/â/	â	Cân (<i>cây</i>), vâm (<i>mâm</i>), bâ”n (<i>bận</i>)
		âa: trước âm cuối: P	Thâấp (<i>thấp</i>), khâấp (<i>sấp</i>), ...
4	/ɛ/	e	Èn (<i>chim én</i>), kèn (<i>kén</i>), ...
		ee trước âm cuối: nh hoặc khi không có âm cuối	Eenh (<i>anh</i>), peênh (<i>bánh</i>), veê (<i>sứt mẻ</i>) ...
5	/e/	ê	Con tê (<i>con dê</i>), tá mê (<i>dây mây</i>)
		êê: trước các âm cuối: nh, ch	T’rêênh (<i>trên</i>), êêch (<i>con éch</i>), ...
6	/i/	i	Tin (<i>tin</i>), pìn (<i>quả bí</i>), ...
		ii: trước âm cuối m	Tiim riên (<i>duyên chìm</i>), khiim (<i>quả sim</i>), ...
7	/ɔ/	o: các trường hợp còn lại	Cỏ (<i>cỏ</i>), mo”n (<i>người</i>), nòn (<i>nón</i>), ...
		oo: trước các âm cuối: nh, ch, ng, c	Choỏch (<i>vịt con</i>), oong (<i>ong</i>), poóng soóng (<i>cao vút lên</i>), oỏc (<i>hạt</i>)
8	/o/	ô: các trường hợp còn lại	Ổ chim (<i>tổ chim</i>), tổ com (<i>đồ com</i>), ...
		ôô: nh, ng, ch, c	Ôôn (<i>dây thùng</i>), côông (<i>công</i>), con côông (<i>con công</i>), thôỏch (<i>tốt, đẹp</i>), T’rôỏc (<i>đầu</i>), ôỏc (<i>ốc</i>), ...
9	/ɤ/	ơ: các trường hợp còn lại	Ổ (<i>ở</i>), khơn (<i>son</i>), bơn (<i>đũa</i>), ...
		ơơ: trước âm cuối: c	Cơỏc (<i>gác</i>), cân lơỏc mớỏc (<i>cây gỗ mắc</i>)
10	/u/	u: các trường hợp còn lại	Mu” (<i>bà</i>), khu” (<i>cây tầm gửi</i>), phu” (<i>đá</i>)
		uu: trước các âm cuối: c, ch, nh, ng	Cuủc (<i>cúc áo</i>), uủch (<i>út</i>), vuunh (<i>tro bếp</i>), khuunh xắng (<i>sún răng</i>), uung (<i>trùng ung</i>),
11	/uɤ/	ư: các trường hợp còn lại	Mư (<i>quả mơ</i>), hư (<i>hư</i>), ...
		ưư: trước âm cuối: c, ng	Tuủc (<i>tức</i>), Khưủc (<i>sức</i>), khưủng (<i>sùng</i>), chim chưủng khưủng (<i>chim ri</i>),
12	/iə/	ia trước âm cuối ch	Kiách (<i>cát</i>), miách (<i>mát</i>), ...
		iê trước âm cuối: n, c, t,	Xiền (<i>tiền</i>), điềỏ (<i>điếc</i>), kiệỏ (<i>keo kiệt</i>) ...
13	/uə/	uô trước âm cuối c, ch, ng	Uỏỏc rắ (<i>lội nước</i>), suỏỏch kiềỏ (<i>rút kiểỏ</i>), puông cân (<i>lao cây</i>), ...
14	/uɤɤ/	ươ trước âm cuối c, nh, ng	Ưỏỏc (<i>ước</i>), lưỡn (<i>lươn</i>), rưỡn (<i>rương-hòm</i>)

***Ghi chú:** Những trường hợp viết bằng hai con chữ là để tránh sự ảnh hưởng từ cách phát âm của tiếng Việt: **a/aa, ê/êê, o/oo, ô/ôô, u/uu, ư/ưư**

VI. CHỮ VIẾT CHO HỆ THỐNG VẦN: 142 vần

STT		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		o	c	ch	m	n	nh	ng	p	t	u	i
1	a	a	ac	aach	am	an	aanh	ang	ap	at	au	ai
2	ă		ăc/ăăc		ăm	ăn/ăăn		ăng	ăp	ăt		
3	â		âc	âch	âm	ân		âng	âp	ât	âu	
4	e	e/ee	ec	eech	em	en	eenh		ep	et	eu	
5	ê	ê	êc	êech	êm	ên	êênh		êp	êt	êu	
6	i	i	ic	ich	iim	in	inh	ing	ip	it	iu	
7	o	o	ooc	ooch	om	on		oong	op	ot		oi
8	ô	ô	ôôc	ôôch	ôm	ôn	ôôn	ông	ôp	ôt		ôi
9	ơ	ơ	ơoc	ơch	ơm	ơn	ơnh	ơng	ơp	ơt		ơi
10	u	u	uuc	uuch	um	un	uunh	uong	up	ut		ui
11	ư	ư	ưuc	ưuch	ưm	ưn	ưunh	ưung	ưp	ưt	ưư	ưi
12	iê	iê	iêc	iach	iêm/yêm	iên/yên		iêng	iêp	iêt/yết	iêu/yêu	
13	uô	uô	uôc	uôch	uôm	uôn	uôn	uông	uôp	uôt		uôi
14	ươ	ươ	ươc	ươch	uom	uon	uon	uơng	uơp	uơt		uơi
15	oe					oen	oenh					
16	ue						uenh					
17	ia			iach			ianh					
		12	15	14	15	17	13	12	14	15	7	8

VII. DẤU THANH

Chữ Mường sử dụng 07 dấu thanh, trong đó dấu sắc kép (’’) là dấu đặc biệt do cách phát âm của người Mường.

STT	Thanh	Dấu thanh	Ví dụ
1	Thanh không		Mưa (<i>mưa</i>), ăn cơm (<i>ăn cơm</i>), khao (<i>sao</i>), vắng (<i>mãng</i>)
2	Thanh huyền	(`)	Chù (<i>chú</i>), ùn (<i>em</i>), khèo (<i>khéo</i>), cà t’rằm, ...
3	Thanh sắc	(´)	Nhá nghèo (<i>nhà nghèo</i>), rá (<i>già</i>), tồn (<i>đổi</i>), ...
4	Thanh hỏi	(?)	Củ cải (<i>củ cải</i>), pây cà (<i>vảy cá</i>), ti tẩy (<i>đi ngủ</i>)..
5	Thanh ngã	(~)	Xã hội (<i>xã hội</i>), lờ ngã (<i>bổ ngựa</i>), ...
6	Thanh nặng	(.)	Cật pọch (<i>tột đỉnh</i>), mạch mờ (<i>mật mờ</i>), ...
7	Thanh sắc kép	(’’)	Ră’n ró (<i>dặn dò</i>), Pên Ke’m (<i>Bến Kẹm</i>), ...

Ghi chú: Có thanh sắc kép (") là do có chữ người Mường phát âm không rõ dấu ? và dấu (~).

VIII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

1. Các chữ cái Z, J, F, W dùng để ghi các chữ là tiếng nước ngoài như: Zona, Jordani, FIFA, Washington.

2. Chữ số: Dùng hệ thống chữ số La mã và chữ số Ả rập như chữ Quốc ngữ:

Ví dụ: I II III IV V... XXIV
1 2 3 4 5... 24

3. Chính tả, ngữ pháp

Ngữ pháp chữ Mường có một số nét riêng nhưng cơ bản vẫn giống chữ Quốc ngữ. Đầu câu viết hoa, tên riêng viết hoa. Cuối câu cần dấu chấm câu (.) dấu phẩy (,) hoặc dấu chấm phẩy (;). Các câu trích lời nói, câu văn của người khác cần viết nghiêng hoặc trong dấu ngoặc kép (" ").

Cách đặt dấu thanh:

- Khi từ chỉ có một nguyên âm, dấu thanh sẽ được đặt trực tiếp lên nguyên âm đó. Ví dụ: tây (*ngủ*), nghỉ (*ngủ*), mu" (*bà*)...

- Trong trường hợp có nguyên âm đôi, dấu thanh sẽ được đặt vào nguyên âm đầu tiên. Nếu nguyên âm đôi đi kèm với phụ âm đôi, dấu thanh cũng sẽ nằm trên nguyên âm đầu. Ví dụ: của (*của cái*), tởa...

- Khi từ chứa nguyên âm ba hoặc nguyên âm đôi cộng thêm một phụ âm, dấu thanh sẽ được đặt lên nguyên âm thứ hai. Ví dụ: khuỷu, Quỳnh...

- Trường hợp có nguyên âm kép thì dấu thanh được đặt trên nguyên âm thứ Ví dụ: khoóng (cái gai), choòng (độc), lướnh (trườn), kiách (cát).